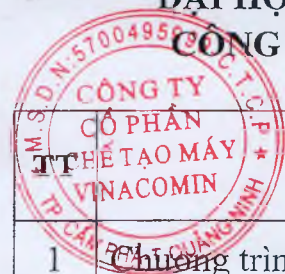


DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN



	TÊN TÀI LIỆU	SỐ TRANG	GHI CHÚ
1	Chương trình Đại hội	03	
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	07	
3	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023	26	
4	Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý năm 2022 nhiệm kỳ 2018-2023	08	
5	Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	05	
6	Báo cáo của BKS về hoạt động giám sát đối với kết quả SXKD năm 2022; Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023	15	
7	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	01	
8	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty	01	
9	Tờ trình về việc phân phối thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023	03	
10	Tờ trình về việc thông qua đề cử nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028	02	
11	Tờ trình về việc thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028	06	

Số: 1000 /CTr-VMC

Cẩm Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Thời gian: Từ 7^h15' ngày 26/4/2023

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
1	Ôn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
3	Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
4	- Giới thiệu đồng chủ tọa điều hành Đại hội - Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Thư ký và Ban kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
5	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Thẩm tra tư cách CD
6	Thông qua chương trình làm việc, Quy chế tổ chức của Đại hội	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
8	Biểu quyết thông qua chương trình làm việc, Quy chế Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
9	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
10	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023; phương hướng nhiệm vụ 2023, nhiệm kỳ 2023-2028	Ông Lê Viết Sự Thành viên HĐQT
11	Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
12	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, nhiệm kỳ 2018 - 2023	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát

Handwritten mark

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
13	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
14	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng
15	Tờ trình phân phối thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023	Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng
16	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
17	Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
18	Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
19	Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028: - Giới thiệu ứng viên Thành viên HĐQT, BKS của các cổ đông lớn; - Giới thiệu ứng viên Thành viên HĐQT, BKS của các nhóm cổ đông phổ thông.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
20	Thảo luận và biểu quyết thông qua danh sách đề cử ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023- 2028	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
21	Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị Công ty về Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
22	Biểu quyết Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị Công ty về Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
23	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Danh sách ban kiểm phiếu bầu HĐQT và BKS	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
24	Bầu cử HĐQT và Ban kiểm soát: - Trưởng Ban bầu cử thông báo thể lệ bầu cử; - Phát phiếu cho các ĐB Cổ đông; - Các Cổ đông bỏ phiếu; - Kiểm phiếu	Ban bầu cử
25	Giải lao	
26	Công bố kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028	Ban kiểm phiếu

24

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
27	Biểu quyết thông qua kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
28	Thông qua dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
29	Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
30	Các thành viên HĐQT, BKS mới ra mắt và chia tay các thành viên HĐQT, BKS cũ	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
31	- Bế mạc Đại hội; - Thực hiện nghi lễ chào cờ.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- BKS, BGĐ (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1001/QC-VMC

Cảm Phá, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp.

Chương III:


QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. 

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được uỷ quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp. Tổ chức được uỷ quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy uỷ quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy uỷ quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo uỷ quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội


1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản uỷ quyền theo mẫu của Công ty; Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Khi cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có). Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy uỷ quyền hợp lệ (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật 

Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký: Đại hội Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm phiếu: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu: Có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023.

3. Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2022. *gsc*

5. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023.

6. Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2022.

7. Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023.

8. Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028.

9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa.

Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cổ đông đại diện của Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế

này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2023./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo ĐH (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 1002 /BC-VMC

Cám Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2022 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm;

- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

1.2. Khó khăn

- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và xung đột Nga - Ukraine tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị và một số công trình trọng tâm.

- Tình hình tài chính đã được cải thiện tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2022	TH 2021	TH 2022	So KH 2022 (%)	So cùng kỳ 2021 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.568.000	2.070.185	2.261.632	144	109
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	495.963	580.542	602.119	121	104
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	94.140	105.357	111.976	119	106
4	Lao động bình quân	người	858	860	858	100	99,8
5	Tiền lương bình quân	Nghìnđ ng/th	9.141	10.209	10.876	119	107
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	12.000	12.721	13.984	117	102
7	Cổ tức	%	≥10	13	13	130	100
8	Giá trị các dự án đầu tư	tr.đ	31.997	17.811	27.563	86	155
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	≤7,75	7,7	9,5		

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2022 đạt: đạt 585 tấn/KH 1.300 tấn, bằng 45% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 347 tấn/500 tấn, bằng 69% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 3.699 cột/KH 6.000 cột, bằng 62% KH năm;

- Máy xúc VMC đạt 03 máy/02 máy, bằng 150% KH năm;

- Chế tạo giá chuyển hướng toa xe 30T đạt 30 xe;

- Thiết bị theo dự án trong TKV: đạt 200 tấn/300 tấn, bằng 67% KH năm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 38 tấn/500 tấn, bằng 8% KH năm.

* Chế tạo, phục hồi phụ tùng:

+ Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 322 tấn/KH 400 tấn, bằng 80% KH năm;

+ Phục hồi phụ tùng: đạt 404 tấn/KH 400 tấn, bằng 101% KH năm;

+ Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 604 tấn/KH 500 tấn, đạt 121% kế hoạch năm.

* Sản xuất thép cán và vì chống lò:

+ Sản xuất thép cán: đạt 97.363 tấn/KH 81.000 tấn, bằng 120% KH năm và tăng 14% so với năm 2021; trong đó bán ra đạt 56.426 tấn/KH 47.000 tấn, bằng 120% KH năm, tăng 11% so với năm 2021.

+ Chế tạo vì lò: đạt 40.041 tấn/KH 34.000 tấn, bằng 118% KH năm, tăng 9% cùng kỳ 2021.

* Sửa chữa thiết bị mỏ:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2022 đạt 81 thiết bị/KH 54 máy, bằng 150% KH đầu năm, bằng 116% so với cùng kỳ năm 2021.

2.1.3. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giản lao động quản lý, phục vụ phụ trợ, đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 858 người/định mức 858 người, bằng 100%KH giao; Tiền lương bình quân đạt 10.876.000 đồng/KH 9.139.000 đồng/người/tháng, đạt 119% KH năm.

2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2022, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Cơ bản đã bố trí đủ việc làm cho toàn thể người lao động;
- Đã duy trì sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Công ty (cán thép, sửa chữa thiết bị mỏ; sản xuất vì chống lò,...vv)
- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng một số thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV (25 toa xe các loại của Công ty tuyến Than Cửa Ông, 30 giá chuyển hướng toa xe AT 30B của Công ty CP Cơ khí Mạo Khê và Công ty CP Cơ điện Uông Bí,...).

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.


2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2022, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ: Thường xuyên thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả các cuộc họp giao ban sản xuất. Từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mỏ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất.
- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát từ khâu kiểm nhập đầu vào đến quá trình gia công chế tạo, lắp ráp, giám sát thực hiện quy trình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng hàng loạt. Về cơ bản chất lượng các sản phẩm truyền thống (thép cán, vì chống lò, sửa chữa thiết bị máy mỏ, các phụ tùng phục vụ sửa chữa lớn thiết bị...) ổn định, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục duy trì hiệu lực Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015; 

- Hoàn thành việc xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

- Hạn chế: Một số trường hợp thực hiện QTCN không nghiêm gây sai hỏng sản phẩm; Một số sản phẩm phải bảo hành trong quá trình sử dụng.

2.2.4. Công tác kỹ thuật công nghệ

Trong năm 2022, công tác kỹ thuật và quản lý chất lượng đã bám sát kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” góp phần quan trọng đạt được sản lượng thép SVP năm 2022 trên 90.000 tấn.

- Sử dụng hiệu quả phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) đã khắc phục các sai hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm đúc.

- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học:

+ Đã hoàn thành các nội dung Đề tài: “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW”, đang chờ Tập đoàn nghiệm thu;

+ Đang triển khai thực hiện đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy đập búa sử dụng trong nhà máy sàng tuyển than có năng suất từ 100 T/h đến 150 T/h”.

- Công tác sáng kiến năm 2022: Thẩm định và xét duyệt đạt 67 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi trên 11 tỷ đồng, tiền thưởng trên 567 triệu đồng, góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

a. Công tác ĐTXD:

* Công ty tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành các dự án theo kế hoạch đầu tư năm 2022, cụ thể:

- Dự án chuyển tiếp: Thực hiện quyết toán 02/02 dự án hoàn thành

+ Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2021-2022;

+ Dự án Đầu tư phương tiện vận tải, nâng tải năm 2021-2022;

- Dự án khởi công mới: Thực hiện đầu tư 02/02 dự án

+ Dự án Nâng cao năng lực Dây chuyền Cột chống thủy lực;


+ Dự án Đầu tư duy trì PTSX 2022-2023;

* Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

- Tổng số các hạng mục đầu tư thực hiện 10/10 gói thầu thiết bị, đạt 100% theo kế hoạch;

- Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2022 là 27.563/ 31.997 (triệu đồng), đạt 86 % kế hoạch năm.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Hoàn thành việc lập hồ sơ và ký hợp đồng thuê đất đoạn 2021-2026 đối với toàn bộ các thửa đất Công ty đang quản lý, sử dụng; 

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo về công tác quản lý đất đai theo yêu cầu của TKV và các cơ quan quản lý cấp trên.

2.2.6. Công tác vật tư, kho

Công tác vật tư trong năm 2022 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc. Tỷ lệ tồn kho cuối kỳ là 1,8% đảm bảo dưới mức quy định.

Kết quả giá trị mua sắm ước thực hiện năm 2022:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (31/12/2021)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2022)
Tổng số	48,906	1.979,29	1.980,67	47,56
Vật liệu	47,669	1.885,50	1.886,21	47,00
- Phôi thép	-	1.619,19	1.606,88	12,313
- Thép chống lò (nhập mua)	-	65,022	65,02	
-Thép làm cột chống	1,667	10,167	7,13	4,701
-Vật tư, phụ tùng khác	26,335	176,279	181,34	21,297
-Vật tư, sắt thép phế liệu	19,648	14,8472	25,84	8,690
Nhiên liệu	1,237	93,787	94,46	0,56

- Việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư của Công ty và hướng dẫn của TKV.

- Trong năm 2022 đã triển khai thực hiện bán, tăng cường sử dụng sắt thép phế liệu làm giảm giá trị tồn kho, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tuy nhiên, trong năm 2022 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên việc cung ứng vật tư cho một số các đơn hàng vật tư bị chậm, đồng thời một số vật tư nhập khẩu khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả trong công tác sửa chữa lớn.

2.2.7. Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng

* Công tác sửa chữa thiết bị

- Về tổng giá trị thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2021	NĂM 2022		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr đồng	31.188	29.550	20.469	69,3
2	Sửa chữa lớn TSCĐ	Tr đồng	19.368	17.200	10.142	59,0

- Về số lượng hạng mục sửa chữa lớn TSCĐ: Thực hiện hoàn thành 15/17 công trình, thiết bị, tương ứng đạt 88 % kế hoạch.

Tỷ lệ thực hiện về giá trị sửa chữa các cấp thấp so với kế hoạch do các nội dung sửa chữa thuộc Dây chuyên Cán thép vì lò chuyên sang thực hiện và hoàn thành trong tháng 01/2023 để phù hợp với thực tế sản xuất.

* Các công ứng dụng THH, TĐH:

2/0

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Năm 2022, thực hiện hoàn thành 8/9 công trình theo kế hoạch (do 01 công trình được chuyển sang thực hiện theo Dự án đầu tư giai đoạn 2023-2024).

** Công tác quản lý năng lượng:*

(i) Thực hiện tốt việc định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo kế hoạch; tổ chức thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện như: Thay thế đèn LED, sử dụng khởi động mềm hoặc biến tần cho các thiết bị có công suất lớn, giám sát nhiệt độ các thiết bị nhiệt luyện,...vv.

(ii) Tổng lượng điện tiêu thụ toàn Công ty: 11.540.663/12.231.000 kWh theo kế hoạch, trong đó:

- Điện năng cho sản xuất: 11.373.264 kWh.

- Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh Công ty): 12.698 kWh.

- Điện cho sinh hoạt: 154,701 kWh.

(iii) Cung cấp nước toàn Công ty:

- Nước sạch mua vào: Số lượng tiêu thụ 73.733/160.440 m³ theo kế hoạch, tương ứng 46,0 % kế hoạch;

- Nước tuần hoàn sau xử lý: 464.612 m³.

Nhận xét: Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng đảm bảo năng lực thiết bị, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng góp phần tiết kiệm chi phí.

2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

** Công tác định mức:*

- Đáp ứng được với yêu cầu chung của sản xuất, kịp thời xây dựng định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất phục vụ các dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho người lao động;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho người lao động;

** Công tác quản lý lao động:*

- Thường xuyên tiến hành rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối số lao động cần thiết cho sản xuất. Thực hiện việc điều chuyển, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hàng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2022 như sau (Lao động theo danh sách)

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2022 (Người)	Lao động đến cuối năm 2022 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2022 (Người)	Tỷ lệ lao động tại thời điểm 31/12/2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6	7
1	Lao động quản lý	124	121	-03	15,8	

2/2

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2022 (Người)	Lao động đến cuối năm 2022 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2022 (Người)	Tỷ lệ lao động tại thời điểm 31/12/2022 (%)	Ghi chú
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	78	76	-02	9,9	
3	Lao động công nghệ	585	577	+ 22 -30	74,3	
	Tổng:	787	774	-13	100	

Kết quả tinh giảm lao động: Đã giảm tuyệt đối 03 lao động gián tiếp, 02 lao động phục vụ.

** Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương*

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLĐ công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2021	KH 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ %	
						So với KH 2022	So với TH 2021
1	Lao động bình quân trong danh sách	Người	860	858	858	100	98,85
1.1	<i>Lao động công nghệ</i>	Người	658	681	661	97,06	100,45
1.2	<i>Lao động phụ trợ</i>	Người	45	59	76	128,8	97,43
1.3	<i>Lao động phục vụ</i>	Người	33				
1.4	<i>Lao động gián tiếp</i>	Người	124	118	121	102,54	97,5
2	Tiền lương theo GTSX	Tr.đ	105.357	94.140	111.976	119,05	106,37
3	Tiền lương BQ	1000đ/ng/th	10.209	9.140	10.876	119,10	106,62
4	NSLĐ BQ (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đ /ng/năm	137,3	123,7	146,8	119,40	107,53

- Hoàn thiện Quy chế quản lý lao động, tiền lương trong Công ty và Quy định về việc trả lương NLĐ qua KPIs.

- Thực hiện quản lý, điều hành quỹ tiền lương theo đúng quy định và hướng dẫn của Tập đoàn về việc xây dựng kế hoạch và quản lý quỹ tiền lương;

- Quá trình điều hành thực hiện quỹ tiền lương đã bám sát theo kế hoạch đã xây dựng và kết quả sản xuất kinh doanh, tính phù hợp của định mức lao động vì vậy công tác điều hành quỹ tiền lương đã bảo đảm chính xác và thực hiện theo đúng các quy định của Công ty. *ghe*

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động*

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty. Kết quả thực hiện như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Bảo hiểm xã hội			
1.1	LĐ tham gia BHXH	Người	781	
1.2	Quỹ lương	Triệu đồng	57.316	
1.3	Số phải đóng	Triệu đồng	18.245	
2	Giải quyết chế độ			
2.1	Hưu trí	Người	8	
2.2	Tuất	Người	0	
2.3	ốm đau, thai sản, dưỡng sức			
	Dưỡng sức sau thai sản	Đồng	29.949.000	
		Người	11	
	Ốm đau	Đồng	770712300	
		Lượt người	1329	
	Thai sản	Đồng	232.799.300	
Người		26		
2.4	Hoãn hợp đồng	Lượt người		
2.5	Chăm dứt HĐLĐ	Người	23	
	Trợ cấp CDHĐ	Đồng	527.490.000	
2.6	Giải quyết TNLĐ	Người	5	
	Chi trả trợ cấp TNLĐ	Đồng	17.428.000	
	Trợ cấp BHXH	Đồng	195.609.000	
2.7	Hỗ trợ NLĐ thuê nhà	Người	20	
		Đồng	30.000.000	
2.8	Phép năm	Người	755	

- Giải quyết cấp phát trang bị BHLĐ kịp thời và đúng tiêu chuẩn, đối tượng.

- Thực hiện việc giải quyết và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, điều dưỡng cho CB, CN, NLĐ kịp thời, cùng kỳ trả lương tháng của Công ty. Thực hiện chế độ bồi dưỡng thêm ca, độc hại kịp thời cho NLĐ. Triển khai tốt việc thực hiện cấp bồi dưỡng độc hại hàng ngày và chống nóng cho công nhân.

** Công tác Y tế:*

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% NLĐ, khám sức khỏe cho NLĐ nặng nhọc, độc hại, nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ là 595 người, khám chuyên khoa nữ cho 206 lao động nữ,...vv; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ chủ chốt Công ty tại Bệnh viện Hồng Ngọc - Hà Nội; Tổ chức khám sức khỏe cho 11 cán bộ lãnh đạo thuộc diện tập đoàn quản lý tại Bệnh viện Than - Khoáng sản;

- Trạm Y tế đã kết hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Quảng Ninh về đo kiểm tra môi trường lao động tại các phân xưởng trong Công ty qua đó đề xuất các giải pháp cải tạo đảm bảo môi trường làm việc phù hợp cho người lao động. Tổ chức phun diệt côn trùng, muỗi gián để phòng chống các loại dịch bệnh lây lan trong mùa hè;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn;

** Công tác phòng chống dịch bệnh:*

- Tham mưu với Lãnh đạo Công ty xây dựng các kế hoạch, biện pháp, phương án và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, hạn chế tối đa nguy cơ dịch bệnh lây lan bùng phát trong công ty làm ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho 776/776 NLĐ, đạt 100%, trong đó số NLĐ đã tiêm vắc xin mũi 4: 731/776, đạt 94,2%.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo quy định.

- Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu kép: Vừa quyết liệt phòng chống, đẩy lùi dịch bệnh, vừa duy trì phát triển sản xuất; Công tác phòng, chống dịch COVID-19 của Phòng nói riêng và của Công ty nói chung đã thực hiện tốt, thực hiện có hiệu quả và được các đoàn kiểm tra đánh giá cao.

** Công tác đời sống:*

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.

- Năm 2022, đã phục vụ cho hơn 181.944 suất ăn công nghiệp, cơm khách và hội nghị đảm bảo an toàn tuyệt đối về an toàn thực phẩm.

- Tăng cường các biện pháp bổ sung chế độ ăn uống cho người lao động tại các công trường trong thời tiết nắng nóng.

2.2.9. Công tác tài chính kế toán

- Tình hình tài chính, công nợ:

+ Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

+ Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn	160,6	521,1	511,1	170,6	+ 10
II	Vay dài hạn	31,5	9,6	12,3	28,8	- 2,7

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
I	Các loại thuế	33.700
1	Thuế TNDN	3.181
2	Thuế GTGT	27.016
3	Thuế TNCN	1.059
4	Thuế đất	2.196
5	Thuế môn bài	4

2/20

TT	Nội dung	Số tiền
6	Thuế khác	244
II	Bảo hiểm xã hội	17.859

- Tình hình thu hồi công nợ:

Ngay từ đầu năm, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc thu hồi công nợ theo Công văn số 5666/TKV-KTTC+KH+VTM+ĐT ngày 29/10/2018 của TKV nên tình hình tài chính của Công ty đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất. Trong năm 2022, Công ty thu được 2.360,2 tỷ đồng/2.480,6 tỷ đồng tổng số nợ phải thu khách hàng, số dư nợ phải thu khách hàng ngày 31/12/2022: 386,1 tỷ đồng, tăng 120,4 tỷ đồng so với đầu năm.

- Tình hình thanh toán cho người bán:

Trong năm 2022, Công ty trả được 2.155,6 tỷ đồng/2.277,3 tỷ đồng, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2022: 349,8 tỷ đồng, tăng 121,7 tỷ đồng so với số dư đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV số tiền: 204 tỷ đồng.

- Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

+ Vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 01/01/2022: 64.561 triệu đồng;
 Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.
 Tại ngày 31/12/2022 (ước): 64.748 triệu đồng;
 Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

- Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu so với năm 2021

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	81,7%	88,1 %	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	58,3%	66,1 %	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,88	0,9	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,4	9,4	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	378%	338%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,49%	0,47 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	15,7%	16,7 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	2,16%	1,59 %	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần	0,58%	0,69 %	

2.2.10. Công tác AT-VSLĐ; An ninh, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường

** Công tác AT-VSLĐ, PCCC*

- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% CBCN, người lao động; huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm theo quy định cho tổng số 1.048 lượt người;
- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Kết quả thực hiện Kế hoạch AT-VSLĐ như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2022		Thực hiện		Tỷ lệ (%) Giá trị TH so với KH
		Số việc	Giá trị (tr.đồng)	Số việc	Giá trị (tr.đồng)	
A	B	1	2	3	4	5=4/2
1	Kỹ thuật an toàn PCCC	11	1.526,12	11	1.560,7	102
2	Vệ sinh công nghiệp, môi trường	7	359,5	7	780	217
3	Trang bị BHLĐ	47	1.200,2	47	1.100,2	91,7
4	Chế độ Bồi dưỡng và chăm sóc sức khỏe NLĐ	10	3.420,0	10	3.580,6	104,7
5	Tuyên truyền giáo dục	20	769,12	20	775,3	101
	Tổng cộng	95	7.275	95	7.796,8	107

- Hoàn thành nội dung huấn luyện bổ sung nghiệp vụ PCCC định kỳ cho 160 người là lực lượng PCCC&CNCH và kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH năm 2022. Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hoặc vi phạm PCCC;

- Năm 2022, không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố kỹ thuật thiết bị gây mất AT-VSLĐ. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra 06 vụ TNLĐ nhẹ làm 6 người bị thương (giảm 4 vụ so với năm 2021). Các trường hợp TNLĐ có nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, thiếu quan sát, bên cạnh đó có trách nhiệm của hệ thống quản lý, các vụ TNLĐ đều được tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản*

- Phối kết hợp cùng lực lượng bảo vệ Hồng Hà đảm bảo an ninh trật tự và sẵn sàng chiến đấu, phát hiện, ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự, an toàn tài sản trong Công ty; Thực hiện tốt Quy định quản lý Khách đến làm việc tại Công ty; Ban hành và thực hiện tốt các Kế hoạch bảo vệ ANTT trong các ngày lễ, Tết, sự kiện của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra thời gian làm việc, sử dụng trang bị bảo hộ lao động, các quy định theo Nội quy lao động tại các chốt bảo vệ. Kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật tư, thiết bị, phương tiện vận chuyển ra/vào công, cập nhật vào hồ sơ, sổ sách đúng quy định.

Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB,CN, NLĐ được giải quyết kịp thời, không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

- Bộ phận Quân sự tham mưu BCHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy

định; (ii) Thực hiện tốt việc huấn luyện DQTV năm 2022 theo kế hoạch của Ban CHQS thành phố;

- Thực hiện tốt Kế hoạch tuyển chọn, quản lý quân nhân nhập ngũ giao quân cho BCQS thành phố Cẩm Phả (Năm 2022 giao 02 tân binh lên đường nhập ngũ, tuyển chọn 01 công dân để lên đường nhập ngũ đầu năm 2023);

- Thực hiện phong trào thi đua Quyết thắng năm 2022 của cụm thi đua số 3 (Ban CHQS Công ty đạt giải nhì thi đua Quyết thắng năm 2022 và 01 cá nhân đã có thành tích xuất sắc);

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự.

** Công tác Phòng chống mưa bão - Bảo vệ môi trường*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Xây dựng và ban hành phương án PCTT-TKCN và phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức phòng chống mưa bão và PCTT- TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét, khai thông các hồ lắng và hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa 1.016 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét; Tổ chức triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h khi có thời tiết mưa bão. Giá trị thực hiện là 2.795/2.675 triệu đồng, đạt 104 % kế hoạch năm.

- Công tác Bảo vệ môi trường: Công tác phân loại, thu gom chất thải tại nguồn trong Công ty được thực hiện theo quy định và định kỳ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; Duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường; Sửa chữa và đưa vào hoạt động 02 công trình về môi trường là Hệ thống xử lý khói bụi thiết bị lọc bụi lò thép 3 tấn và Kho chất thải nguy hại. Kết quả thực hiện đạt 6.485/5.605 triệu đồng, tương ứng đạt 116% kế hoạch năm.

2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2022 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 03/01/2022 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2022, từ đó công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

2.2.12. Các công tác khác

** Công tác xã hội, cộng đồng:*

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: (i) Tổ chức gặp mặt kỷ 75 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 đối với NLD là con Liệt sĩ đang công tác tại Công ty; (ii) Phối hợp với Hội CCB Công ty tổ chức cho Hội viên Hội CCB và các con của Liệt sĩ đi tham quan, du lịch về nguồn; (iii) Phối hợp tốt với các tổ chức trong Công ty trong việc thực hiện thăm hỏi, động viên, hỗ trợ cho nạn nhân chất độc màu da cam;

- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân các ngày Lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

- Quan tâm chăm lo các cháu con CB, CN, NLD: tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, các cháu tật nguyền nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Quốc tế thiếu nhi và Trung

thu; Tuyên dương, khen thưởng các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi đỗ Đại học năm học 2021-2022.

- Thường xuyên quan tâm, chăm lo, đóng góp ủng hộ, động viên các gia đình người lao động đặc biệt khó khăn.

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội khác.

* *Công tác văn hóa, thể thao:*

Trong năm 2022, hoạt động VHVN, TDTT, tuyên truyền động viên NLĐ của Công ty tiếp tục được duy trì và diễn ra thường xuyên, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần cho NLĐ, mặt khác tạo sự đoàn kết, gắn bó, phối hợp hiệu quả trong công việc. Một số hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức thành công Giải cầu lông truyền thống Công ty năm 2022, thu hút đông đảo và tích cực tham gia của CB, CN, NLĐ trong Công ty; Tổ chức các trận giao hữu bóng đá, cầu lông trong Công ty cũng như với các đối tác, khách hàng; Tham gia các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương.

- Tổ chức tham gia Hội thi Tiếng hát Người lao động TKV năm 2022 (01 tiết mục đạt giải Khuyến khích, Công ty được tặng thưởng Bằng khen của Công đoàn TKV).

- Tổ chức các chương trình văn nghệ chào mừng các Hội nghị lớn của Công ty.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ

3.1. Công tác chỉ đạo:

- Đảng ủy, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, kết luận, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện phù hợp với đặc thù sản xuất của Công ty.

- Ban Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo, các phòng, ban chức năng xây dựng Quy chế, Quy định, Nội quy phù hợp với Công ty cùng sự thay đổi của các văn bản, quy định của Nhà nước, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc.

3.2. Xây dựng, ban hành văn bản

Trong năm 2022, Công ty đã xây dựng, thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành thực hiện trên 4.557 văn bản các loại. Trong đó có các văn bản quan trọng sau:

- 01 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cùng 08 Nghị quyết của HĐQT;

- 01 Nghị quyết của Hội nghị người lao động; 17 Nghị quyết liên tịch giữa chuyên môn với Công đoàn;

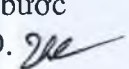
- 01 Kế hoạch SXKD năm 2023; 12 Kế hoạch SXKD tháng, quý; 01 giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2022;

- 18 quy định, quy chế về quản lý, quản trị;

- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015;

- Thực hiện triển khai xây dựng áp dụng HTQL Môi trường ISO 14001:2015, HTQL Năng lượng ISO 50001:2018 và Công cụ năng suất 5S,...vv.

3.3. Công tác triển khai thực hiện:

- Trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy chế, quy định, nội quy, nghị quyết, chỉ thị, qua đó phát triển sản xuất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB, CN, NLĐ. 

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có những hạn chế: Việc tổ chức thực hiện xây dựng, ban hành một số nội quy, quy chế còn chậm; Việc nắm bắt, thực hiện các nội dung quy định, quy chế có lúc chưa kịp thời.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NLĐ

4.1. Công tác Thi đua - Khen thưởng:

a. Các nội dung, mục tiêu thi đua trong năm 2022:

Công tác thi đua đã tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2022 với nhiều hình thức đổi mới, thiết thực. Một số nội dung cụ thể:

- Thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tháng, quý, năm;
- Thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thi đua đảm bảo an toàn, giữ vững môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”;
- Thi đua hưởng ứng Tháng Công nhân;
- Thi đua học tập nâng cao trình độ tay nghề đạt danh hiệu Bàn tay vàng, Kỹ sư giỏi, Chiến sỹ thi đua;
- Thi đua chào mừng ngày thành lập Công ty, chào mừng ngày Truyền thống Công nhân Mỏ - Truyền thống ngành Than;
- Thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

b. Kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung, chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2022:

- Các danh hiệu thi đua: cụ thể tại mục VI;
- Đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích với tổng số tiền thưởng năm 2022: 3.071 triệu đồng.

4.2. Kỷ luật lao động:

Trong năm 2022 có một số trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm theo đúng Nội quy lao động của Công ty:

- NLĐ vi phạm Điều 37 (tự ý bỏ việc không có lý do chính đáng trong nhiều ngày) bị kỷ luật với hình thức sa thải: 02 người.
- NLĐ vi phạm Điều 34 (Hành vi vi phạm quy định về quản lý tài sản) bị kỷ luật với hình thức Khiển trách: 01 người.

V. CÔNG TÁC THU, CHI CÁC QUỸ VÀ TRÍCH NỘP BHXH

Năm 2022 Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	424.596.994	496.221.836	33.548.367
2	Thu năm 2022	1.122.133.684	2.064.092.261	2.064.092.261
3	Chi năm 2022	1.236.005.828	2.877.835.000	1.101.000.000
4	Số dư tại ngày 31/12/2022	310.724.850	(317.520.903)	996.640.628

2/11

Thực hiện việc trích, nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng, đủ với tổng số tiền: 17.859 triệu đồng.

VI. KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NLĐ NĂM 2022

Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn diện các mặt sản xuất, công tác, mục tiêu Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2022.

Về chỉ tiêu doanh thu đạt 2.261.632/1.568,000 tỷ đồng, bằng 144% KH.

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận đạt 13,9/12 tỷ đồng, bằng 115% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 33.700 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 10.885.000/KH 9.139.000 đồng/người/tháng, bằng 119,10 KH.

Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “**An toàn - Phát triển - Hiệu quả**”; Đẩy mạnh các hoạt động VHTT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

* Kết quả công thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung Kế hoạch liên tịch phát động thi đua năm 2022 Cụ thể như sau: (Trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2022 không có những nội dung này nên phải so sánh với Kế hoạch phát động thi đua năm 2022)


- Công tác sáng kiến đạt 67/75 chỉ tiêu sáng kiến, đạt 89%;
- Đơn vị về trước kế hoạch đạt 2/3 đơn vị, đạt 67%;
- Tổ đội về trước kế hoạch đạt 26/25 tổ, đạt 104%;
- Tổ lao động tiên tiến đạt 63/60 tổ, đạt tỷ lệ 105%;
- Tổ đội lao động xuất sắc đạt 41/40 tổ, đạt 102,5%;
- Cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 707/775 tổng số lao động, chiếm tỷ lệ 91%, vượt 11% so với kế hoạch;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở đạt 120/120 người, đạt 100%;
- Kỹ sư giỏi đạt 08/KH 10 người, đạt 80%;
- Công nhân đạt danh hiệu bàn tay vàng đạt 76/KH 75 người, đạt 101%;

* Công ty đang đề nghị xét tặng các danh hiệu:

- Chiến sỹ thi đua cấp Tập đoàn: 25 người;
- Chiến sỹ thi đua Ủy ban QLV: 06 người;
- Bằng khen Ủy ban QLV: 02 đơn vị, 06 người;
- Bằng khen Thủ tướng chính phủ: 02 người;
- Bằng lao động sáng tạo: 06 người.

Năm 2022 Công đoàn Công ty vinh dự được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen, Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam tặng cờ thi đua; Tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty vinh dự được Đoàn than Quảng Ninh trao tặng Giấy khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022; Hội Cựu chiến binh Công ty được Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2022, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, do đó thực hiện đạt vượt mức, đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc tạo được sự tin tưởng, sự đồng thuận cao của NLĐ. 

Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD vẫn còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phấn đấu hoàn thành kế hoạch của năm 2023.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng.

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao.

- Kết quả thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả năm 2022, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2023.

1.2. Khó khăn

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có những biến động khó lường, xung đột giữa Nga và Ucraina tiếp tục diễn biến phức tạp làm đứt gãy chuỗi cung ứng một số mặt hàng thiết yếu cho SXKD, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Cơ chế quản lý, điều hành nội bộ trong TKV có sự thay đổi; Công tác khai thác và tìm kiếm việc làm sẽ gặp khó khăn trong và ngoài TKV (do khả năng cạnh tranh của Công ty còn hạn chế, việc tham gia các dự án lớn ngày càng khó khăn,...vv);

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Thiết bị của Công ty phần lớn lạc hậu, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp trong khi môi trường SXKD ngày càng chặt chẽ, yêu cầu và tiêu chuẩn về hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu: 1.819,950 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.809,65 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 1.850 tỷ đồng;


- Giá trị sản xuất: 565,546 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 580 tỷ đồng;
- Tổng chi phí sản xuất: 1.805,95 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 14 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 861 người;
- Tiền lương bình quân: 10,621 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 30,928 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: Theo định mức của TKV;
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC GIẢI NHIỆM VỤ, PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

- Công tác tuyển dụng: Rà soát, hiệu chỉnh Quy chế Tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các quy định hiện hành; xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 3479/QĐ-VMC ngày 11/11/2022 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty; Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Phối hợp với các nhà cung cấp như Phú Thái CAT, Maruberni, ...vv, để mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sửa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao ý thức thực thi pháp luật; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên. 

- Triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 - 2025.

3.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc JSCAST, phần mềm quản lý nhân lực, phần mềm quản lý vật tư; các thiết bị CNC; sửa chữa nâng cấp hệ thống điện bằng hệ thống điều khiển bằng PLC, lắp đặt thêm hệ thống hiển thị số,...vv). Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư.

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử,...vv.

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mạ để nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Nghiên cứu phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy xúc lật hông,...); Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ,...vv).

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng.

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột chống, chế tạo lò, các máy công cụ đặc chủng...vv); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời. Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018 thí điểm tại hai phân xưởng, tiến tới áp dụng trong toàn công ty.

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT, thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, thực hiện công cụ 5S ở tất cả các đơn vị trong Công ty; Tiếp

tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán, PX Đúc,...vv).

3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2023 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv.

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất cột chống thủy lực, trong đó tập trung đi làm việc với các đơn vị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị về nhu cầu, chủng loại đồng thời nghiên cứu, hợp tác đổi mới công nghệ mạ các loại cột chống để tăng sản lượng tiêu thụ.

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Tập đoàn Hòa Phát, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2023, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2023 với mục tiêu **AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác. /.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CĐ (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Tình hình thực hiện KH		So sánh (%)	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	KH 2022
1	2	4	5	6	7	8=7/6	9=7/5
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Chế tạo thiết bị	tấn	1.300	1.414	585	41	45
1.1	Thiết bị ngành than	tấn	500	441	347	79	69
	Trong đó:						
	- Máy xúc VMC 500	máy	2		3		150
	- Cột chống thủy lực	cột	6.000	6.447	3.699	63	67
	- Giá chuyển hướng toa xe 30T	cụm			30		
1.2	Chế tạo thiết bị theo dự án trong TKV	tấn	300	403	200	50	67
1.3	Thiết bị ngành khác	tấn	500	570	38	7	8
2	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.300	2.936	1.330	45	102
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	400	370	322	85	78
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	500	580	604	104	121
2.3	Phục hồi phụ tùng	tấn	400	361	404	106	95
3	Sản xuất vì chống lò, thép cán						
3.1	Sản xuất vì chống lò	tấn	34.000	36.794	40.041	109	118
3.2	Thép chống lò	tấn	81.000	85.435	97.363	112	118
	Tr.đó: bán trong than		47.000	50.663	56.426	111	120
4	Sửa chữa thiết bị xe máy		54	70	81	116	150
4.2	Xe gạt D85A, khác	Cái	6	6	7	117	117
4.3	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	Cái	8	8	7	88	88
4.4	Máy xúc nhỏ	Cái	10	12	12	100	120
4.5	Máy khoan xoay cầu CBIII	Cái	7	7	5	71	71

4.6	Máy khoan các loại	cái	3	2	3	150	100
4.7	Xe máy, các thiết bị khác	cái	20	35	47	134	235
5	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	7.200	34.581	72.646	210	1.009
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	1.000	488	72	15	7
	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	5.000	32.829	72.919	222	1.458
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.200	1.264	1.287	102	107
II	Doanh thu	tr.đ	1.568.000	2.070.185	2.261.632	109	144
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	tr.đ	1.560.300	2.034.703	2.186.078	107	140
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.520.300	1.979.804	2.145.744	108	141
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	40.000	54.898,6	40.334	73	101
2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	7.200	34.581	74.278	215	1.032
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	1.000	488	72	15	7
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	5.000	32.829	72.919	222	1.458
3	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.200	1.264	1.287	102	107
3	Doanh thu tài chính, khác	tr.đ	500	901	1.275	142	255
III	Giá vốn	tr.đ	1.071.537	1.488.742	1.658.238	111	155
1	Giá vốn phiê thép và thép chống lò	tr.đ	1.067.037	1.464.374	1.586.869	108	149
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	tr.đ	4.500	24.368	71.369	293	1.586
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	495.963	580.542	602.119	104	121
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép lò)	tr.đ	493.263	570.329	599.210	105	121
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	2.700	10.213	2.909	28	108
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	1.000	488	72	15	7
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	500	8.461	1.550	18	310
	+ Sản xuất ô xy, ni tơ	tr.đ	1.200	1.264	1.287	102	107
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	tr.đ	1.556.000	2.057.464	2.247.648	109	144
1	Chi phí trung gian	tr.đ	1.406.225	1.891.745	2.079.547	110	148

2	Giá trị gia tăng	tr.đ	131.657	150.464	154.494	103	117
2.1	Tiền lương	tr.đ	94.140	105.357	111.976	106	119
	<i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i>	<i>tr.đ</i>	<i>2.079</i>	<i>2.298</i>	<i>2.495</i>	<i>100</i>	<i>120</i>
2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	tr.đ	14.009	13.982	13.704	98	98
2.3	KHTSCĐ	tr.đ	23.508	31.125	28.814	93	123
3	Chênh lệch đầu cuối kỳ	tr.đ					
4	Chi phí hoạt động tài chính	tr.đ	18.118	15.255	13.607	89	75
VI	Lợi nhuận	tr.đ	12.000	12.721	13.984	110	117
VII	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		186	186	182,0	102	98
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	858	860	858	100	100
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	9.139	10.209	10.876	107	119
	<i>Trong đó: - Tiền lương bình quân người lao động</i>	<i>1000đ/ng/thg</i>		<i>10.056</i>	<i>10.708</i>	<i>106</i>	
	<i>- Tiền lương bình quân VCQL</i>	<i>1000đ/ng/thg</i>		<i>31,917</i>	<i>34,658</i>	<i>109</i>	

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	371.056.521.309	515.441.250.018
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.600.899.528	2.633.923.208
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	257.756.568.587	379.284.729.472
III. Hàng tồn kho	103.026.463.473	128.353.998.089
IV. Tài sản ngắn hạn khác	8.672.589.721	5.168.599.249
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	176.288.785.152	152.157.964.977
I. Tài sản cố định	157.841.844.670	137.055.576.017
II. Tài sản dài hạn khác	18.446.940.482	15.102.388.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	547.345.306.461	667.599.214.995
C - NỢ PHẢI TRẢ	482.784.119.407	602.850.939.496
I. Nợ ngắn hạn	459.735.228.032	584.229.614.249
Trong đó:		
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	228.126.757.032	349.856.854.477
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.942.821.927	2.478.824.540
3. Phải trả người lao động	29.301.131.454	33.521.798.037
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	171.543.913.595	183.412.014.400
5. Phải trả ngắn hạn khác	1.457.009.249	9.057.325.349
II. Nợ dài hạn	23.048.891.375	18.621.325.247
Trong đó:		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.569.060.652	16.026.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	1.480.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.561.187.054	64.748.275.499
I. Vốn chủ sở hữu	63.361.187.054	63.448.017.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	2.983.206.113	4.129.472.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.404.470.941	12.345.034.786
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	547.345.306.461	667.599.214.995

94

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	Ghi chú
I	Sản phẩm chủ yếu			
1	Chế tạo thiết bị	tấn	1.000	
1.1	Chế tạo thiết bị ngành than	tấn	700	
	Trong đó:			
	- Máy xúc đá VMC E500-1	máy	2	
	- Dàn chống thủy lực các loại	dàn	-	
	- Cột chống thủy lực các loại	cột	6.000	
	- Xe goòng các loại	xe	50	
	- Thiết bị khác	tấn	200	
1.2	Chế tạo thiết bị ngành khác	tấn	300	
2	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.500	
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	500	
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	500	
2.3	Phục hồi TB phụ tùng	tấn	500	
3	Sản xuất vì lò, thép cán		-	
3.1	Chế tạo vì lò	tấn	35.000	
3.2	Thép cán vì chống lò, thép ray	tấn	86.000	
	Trong đó: Bán ra	tấn	50.500	
4	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R,...v.v	xe	7	
	- Máy xúc EKG	máy	9	
	- Máy xúc thủy lực, máy xúc đá trong lò các loại	máy	10	
	- Máy khoan xoay cầu	máy	6	
	- Máy khoan thủy lực	máy	2	
	- Sửa chữa thiết bị khác	t.bị	22	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	9.850	
	- Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	tr.đ	8.600	
	- Sản xuất Ô xy - Ni tơ	tr.đ	1.000	
II	Doanh thu	tr.đ	1.819.950	
1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	1.809.650	
	- Bán trong ngành than	tr.đ	1.769.650	
	- Bán ngoài ngành than	tr.đ	40.000	
2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	9.850	
	- Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	tr.đ	8.600	
	- Sản xuất Ô xy - Ni tơ	tr.đ	1.000	

3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
III	Giá vốn	tr.đ	1.253.904	
	- Giá vốn phiêu thép cán	tr.đ	1.245.734	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	tr.đ	8.170	
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.596	
	<i>Giá trị sản xuất cơ khí</i>	tr.đ	563.916	
	<i>Sản xuất, dịch vụ khác</i>	tr.đ	1.680	
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	250	
	+ Kinh doanh vật tư thiết bị	tr.đ	430	
	+ Sản xuất Ô xy, ni tơ	tr.đ	1.000	
V	Giá trị gia tăng (GDP)	tr.đ	150.622	
	- Khấu hao tài sản	tr.đ	26.680	
	- Tiền lương	tr.đ	109.739	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	tr.đ	2.399	
	- Bảo hiểm	tr.đ	14.203	
	- Thuế (trong giá thành)	tr.đ		
	- Lợi nhuận	tr.đ	13.984	
VI	Vốn đầu tư XD CB	tr.đ	30.928	
	- Khấu hao	tr.đ	9.041	
	- Vốn ngân sách	tr.đ		
	- Vốn vay	tr.đ	21.887,5	
	- Vốn ngân sách	tr.đ		
VII	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
1	Lao động định mức	người	861,0	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>6,0</i>	
2	Năng suất lao động			
3	Tiền lương bình quân doanh nghiệp	1000đ/ng/th	10.621	
	<i>Tiền lương bq người lao động</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>10.462</i>	
	<i>Tiền lương bq (VCQL)</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>33.319</i>	
4	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX)	đ/1000 đgtsx	190	(Không bao gồm VCQL)
VIII	Nộp ngân sách	tr.đ	26.499	
	- Thuế GTGT phải nộp	tr.đ	20.123	
	- Thu nhập cá nhân	tr.đ	800	
	- Thuế đất	tr.đ	2.772	
	- Thuế môn bài	tr.đ	4	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	2.800	
	- Thuế khác	tr.đ		

Số: 103 /BC-VMC

Cám Phá, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ VIỆC GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2022, NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị


Năm 2022, Nhân sự Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi. Tại kỳ họp thứ 159, Hội đồng quản trị đã thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Anh Chung (theo Quyết định số 1816/QĐ-TKV ngày 28/11/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) và bầu thay thế, bổ sung ông Trần Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023, từ ngày 02/12/2022. Danh sách Hội đồng quản trị Công ty, thời điểm hiện tại gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	01/08/2018	TKV giới thiệu
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	26/4/2018	TKV giới thiệu
3	Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	02/12/2022	TKV giới thiệu
4	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	26/4/2018	CĐ giới thiệu
5	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	26/4/2018	CĐ giới thiệu

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các Thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2022, HĐQT Công ty đã họp 10 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 10 Nghị quyết, 07 Quy chế và 14 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022; HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT. 

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 với những chỉ tiêu kỷ lục: Doanh thu đạt trên 2.261 tỷ đồng, tiền lương đạt trên 10,8 triệu đồng/ng/tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 13,984 tỷ đồng. Các chỉ tiêu hiện vật đều đạt ở mức cao, trong đó sản lượng thép cán đạt mức kỷ lục trên 95.000 tấn, vượt 20% KH, vượt 14% so với năm 2021.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 như Giám đốc Công ty đã báo cáo trước Đại hội, với một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2022	TH 2021	TH 2022	So KH 2022 (%)	So cùng kỳ 2021 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.568.000	2.070.185	2.261.632	144	109
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	495.963	580.542	602.119	121	104
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	94.140	105.357	111.976	119	106
4	Lao động bình quân	người	858	860	858	100	100
5	Tiền lương bình quân	Ngìnđ /ng/th	9.141	10.209	10.876	119	107
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	12.000	12.721	13.984	117	102
7	Cổ tức	%	≥10	13	13	130	100
8	Giá trị các dự án đầu tư	tr.đ	31.997	17.811	27.563	86	155
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	≤ 7,75	7,7	9,5		

2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

Trong năm 2022, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	81,7%	84,0 %	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	58,3%	59,0 %	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

24

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,88	0,83	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,4	7,75	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	378%	380%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,49%	0,61 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	15,7%	18,7 %	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	2,16%	1,86 %	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần	0,58%	0,66 %	

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực

- Về công tác tổ chức, cán bộ: Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo tổ chức rà soát, ban hành sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý cán bộ của Công ty, từ đó xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể trong đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các vị trí quản lý. Hội đồng quản trị thông qua và ban hành quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ, chức danh lãnh đạo chủ chốt Công ty theo thẩm quyền.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Đã tập trung chỉ đạo vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.


2.5. Về công tác đầu tư xây dựng

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, tuân thủ pháp luật về đầu tư. Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành. Các dự án, thiết bị đầu tư từng bước phát huy hiệu quả, góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD hằng năm. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 27.563/31.997 triệu đồng, tương ứng 86 % kế hoạch.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Các lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng,... hoàn thành tốt chỉ tiêu, yêu cầu đề ra. 

- Năm 2022, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022, bảo toàn nguồn vốn; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2013-2018 được Quý cổ đông tín nhiệm bầu gồm có 05 thành viên:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

Trong nhiệm kỳ, do yêu cầu của tổ chức nên có sự thay đổi nhân sự HĐQT như sau:

Tại kỳ họp 117 (ngày 01/8/1018), Hội đồng quản trị Công ty đã họp, thông qua báo việc nhiệm Thành viên HĐQT của ông Nguyễn Trọng Hùng, đồng thời bầu thay thế, bổ sung ông Nguyễn Văn Tứ - Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023, từ ngày 01/8/2018.

Năm 2022, Hội đồng quản trị tổ chức kỳ họp thứ 159 đã thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Anh Chung (theo Quyết định số 1816/QĐ-TKV ngày 28/11/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) và bầu thay thế, bổ sung ông Trần Tuấn Anh - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023, từ ngày 02/12/2022.

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 đến thời điểm báo cáo gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	01/08/2018	TKV giới thiệu
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	26/4/2018	TKV giới thiệu
3	Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	02/12/2022	TKV giới thiệu
4	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	26/4/2018	CĐ giới thiệu
5	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	26/4/2018	CĐ giới thiệu

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty và 02 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành. HĐQT đã xây dựng Quy chế hoạt động; các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi

từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

Trong nhiệm kỳ đã tổ chức họp tổng số 54 kỳ họp, ban hành 54 nghị quyết, 68 quyết định; quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung 18 quy chế và chỉ đạo, thông qua một số nội dung chủ yếu: Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2035; Thông qua phương án mô hình tổ chức, định biên và phương án sắp xếp lao động; phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm; cho ý kiến, phê duyệt phương án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ chủ chốt trong Công ty,...vv.

2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm, Hội đồng quản trị đã triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện, tình hình ở từng thời điểm và giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện. Qua nhiệm kỳ 5 năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đề ra. Đồng thời, HĐQT kịp thời có chủ trương, chỉ đạo giải quyết những vướng mắc, khó khăn từ thực tế đã góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm. Kết quả SXKD trong nhiệm kỳ 05 năm: Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 16,1%/năm; tốc độ tăng lợi nhuận: 14,45%/năm; tốc độ tăng tiền lương: 8,77%/năm.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ 2018-2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kết quả thực hiện kế hoạch các năm				
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu	tr.đ	1.485.314	1.501.300	1.492.692	2.070.185	2.261.632
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	504.147	525.067	538.930	580.542	602.119
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	94.105	98.707	98.707	105.357	111.976
4	Lao động bình quân	người	882	860	860	860	858
5	Tiền lương bình quân	Ngìnđ /ng/th	8,891	9,564	9,613	10.209	10.876
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	7.902	14.219	12.121	12.721	13.984
7	Cổ tức	%	10	10	10	13	13
8	Giá trị các dự án đầu tư	tr.đ	17.388	29.436	17.602	17.811	27.563

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc: Thực hiện các quy định của Điều lệ và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai các giải pháp điều hành cụ thể trên từng lĩnh vực công tác một cách chủ động, quyết liệt; kịp thời nhận diện, đánh giá đúng tình hình, những khó khăn trong sản xuất kinh doanh để quyết định các biện pháp, giải pháp phù hợp trong quản lý và điều hành sản xuất hiệu quả nhất; xác định đúng và tập trung chỉ đạo quyết liệt các mục tiêu chiến lược thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm; chấp hành các quy định của Pháp luật, quy định về thông tin, báo cáo; chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản của Công ty và có lợi nhuận. Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu: Duy trì và phát triển sản xuất

kinh doanh, ổn định đời sống, thu nhập của người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đề nghị của Giám đốc đã chấp hành tốt các quy chế, quy định và nhiệm vụ do Giám đốc giao; phục tùng sự phân công và thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối, thoái thác nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ 2018 – 2023 các cán bộ quản lý cấp phòng, phân xưởng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, gồm một số nội dung chủ yếu:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm;

- Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch hằng năm và triển khai xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm kế tiếp phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế;

- Chi cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;

- Sửa đổi Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý phù hợp với Luật doanh nghiệp, các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại Công ty;

- Lựa chọn Công ty kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị


- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, có chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng nội dung, hình thức theo quy định của Pháp luật. Các hồ sơ, tài liệu được gửi đến các thành viên HĐQT để xem xét, nghiên cứu trước khi cuộc họp diễn ra.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí cao và đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị. Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị (trực tiếp qua Chủ tịch Hội đồng quản trị) về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty, từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành.

- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết. 

- Hội đồng quản trị cũng nhận thấy Giám đốc Công ty có nhiều cố gắng, nỗ lực điều hành của cả Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ vừa qua.

7. Đánh giá

HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty. Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023, NHIỆM KỲ 2023 - 2028

1. Tình hình chung

Trong những năm tiếp theo được dự báo nhân lực, việc làm, vốn và thị trường; cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phân đầu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035. Thực hiện tốt các nội dung đã cam kết trong hợp đồng phối hợp kinh doanh.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2023 và nhiệm kỳ 2023 - 2028

2.1. Năm 2023

- Doanh thu: 1.819,950 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 565,546 tỷ đồng;
- Tổng chi phí sản xuất: 1.805,95 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 14 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 861 người;
- Tiền lương bình quân: 10,621 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 30,928 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: Theo định mức của TKV.

2.1. Nhiệm kỳ 2023-2028

- Tốc độ tăng doanh thu hằng năm: 3 – 8%;
- Tốc độ tăng lợi nhuận hằng năm: 5 – 8%;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức hằng năm: $\geq 10\%$.

3. Giải pháp thực hiện

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ

cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

- Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa – Tự động hóa – Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

- Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2022. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2023./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tú

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1004 /BKS-VMC

Cám Phá, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội ĐCĐ thường niên Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN;
- Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả thẩm định như sau:

1. Kết quả thẩm định về Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 với những số liệu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.069.283.929.275	2.260.356.590.915
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	2.069.283.929.275	2.260.356.590.915
4	Giá vốn hàng bán	1.961.790.214.233	2.133.018.514.100
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.493.715.042	127.338.076.815
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.139.092	199.879.311
7	Chi phí tài chính	15.090.549.313	13.606.890.024
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>14.438.069.012</i>	<i>13.107.419.647</i>
8	Chi phí bán hàng	6.628.847.399	16.724.149.901
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.791.225.627	81.558.924.098
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	11.988.231.795	15.647.992.103
11	Thu nhập khác	895.943.668	1.075.347.233

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
12	Chi phí khác	163.464.473	2.739.016.804
13	Lợi nhuận khác	732.479.195	(1.663.669.571)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.720.710.990	13.984.322.532
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.574.229.821	3.375.501.265
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.146.481.169	10.608.821.267
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	2.160	2.258

- Về giá trị doanh thu: Thực hiện vượt so với KH năm 2022 là 693,6 tỷ đồng, vượt 44,2% so với KH;

- Về Lợi nhuận trước thuế: Thực hiện vượt so với KH 2022 là 1.984 tr đồng tương ứng với tỷ lệ vượt 16,5% so với KH;

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, xác minh những số liệu trong báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán được áp dụng cũng như các trình bày về các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, xem xét báo cáo kiểm toán và nội dung thư quản lý của Công ty kiểm toán phát hành.

Ban Kiểm soát có những nhận xét và đánh giá đối với báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định của TKV liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán: Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết cụ thể trên thuyết minh BCTC (mẫu B09-DN). Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên BCTC cho thấy các chỉ tiêu trên BCTC được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Số liệu cuối kỳ của bảng cân đối kế toán năm 2021 khớp đúng với số liệu đầu kỳ của bảng cân đối kế toán năm 2022.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định số liệu trên BCTC năm 2022 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các ước tính và xác định của Công ty khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng.

Với kết quả thẩm định như trên, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty xác nhận; Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình

hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu báo cáo tài chính năm 2022 được thẩm định như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2022	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2022
A	Tài sản ngắn hạn	371.056.521.309	515.441.250.018
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.600.899.528	2.633.923.208
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	1.600.899.528	2.633.923.208
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	257.756.568.587	379.284.729.472
1	Nợ phải thu khách hàng	265.751.426.742	386.092.900.566
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.103.230.746	5.387.294.800
3	Phải thu ngắn hạn khác	20.395.939.072	20.512.959.457
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.494.027.973)	(32.708.425.351)
III	Hàng tồn kho	103.026.463.473	128.353.998.089
1	Hàng tồn kho	103.131.341.290	129.200.556.576
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(104.877.817)	(846.558.487)
IV	Tài sản ngắn hạn khác	8.672.589.721	5.168.599.249
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	8.098.354.763	4.192.524.153
2	Thuế phải thu Nhà nước	574.234.958	976.075.096
B	Tài sản dài hạn	176.288.785.152	152.157.964.977
I	Tài sản cố định	157.841.844.670	137.055.576.017
1	Tài sản cố định hữu hình	156.934.240.409	136.716.305.089
	- Nguyên giá	577.004.394.563	585.596.897.768
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(420.070.154.154)	(448.880.592.679)
II	Tài sản cố định vô hình	907.604.261	339.270.928
	- Nguyên giá	2.228.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.320.839.909)	(1.889.173.242)
II	Tài sản dở dang dài hạn	-	-
1	Chi phí XD CB dở dang	-	-
III	Tài sản dài hạn khác	18.446.940.482	15.102.388.960
1	Chi phí trả trước dài hạn	18.446.940.482	15.102.388.960
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	547.345.306.461	667.599.214.995
C	Nợ phải trả	482.784.119.407	602.850.939.496
I	Nợ ngắn hạn	459.735.228.032	584.229.614.249
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	171.543.913.595	183.412.014.400
2	Phải trả người bán ngắn hạn	228.126.757.032	349.856.854.477
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	331.250.739	39.353.600
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.942.821.927	2.478.824.540

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2022	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2022
5	Phải trả người lao động	29.301.131.454	33.521.798.037
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	14.961.090.123	174.021.710
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.340.246.404	4.761.115.105
9	Phải trả ngắn hạn khác	1.457.009.249	9.057.325.349
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	731.007.509	928.307.031
II	Nợ dài hạn	23.048.891.375	18.621.325.247
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.569.060.652	16.026.000.000
2	Dự phòng phải trả dài hạn	1.679.830.723	1.115.325.247
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	1.480.000.000
D	Vốn chủ sở hữu	64.561.187.054	64.748.275.499
I	Vốn chủ sở hữu	63.361.187.054	63.448.017.499
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.983.206.113	4.129.472.713
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.404.470.941	12.345.034.786
	- LNST chưa phân phối năm trước	3.257.989.772	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	10.146.481.169	10.608.821.267
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.200.000.000	1.300.258.000
1	Nguồn kinh phí	1.200.000.000	1.300.258.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	547.345.306.461	667.599.214.995

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	32	23
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	68	77
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	88	90
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	12	10
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	7,6	9,5
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,56	0,66
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,81	0,88
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,85	1,59
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	16,01	16,72
5	Vòng quay của vốn			
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	19	17

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
	- Vòng quay các khoản phải thu	vòng	8	6
	- Vòng quay các khoản phải trả	vòng	8,6	6
	- Vòng quay Vốn lưu động	vòng	5,6	4,4

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm 2022, cổ tức của Công ty dự kiến phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là 13%, việc chia cổ tức năm 2022 cho các cổ đông góp vốn, trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty thông qua Nghị quyết của đại hội, lúc đó mới thực hiện phân chia lợi nhuận và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát xin trân trọng được báo cáo./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông (e-copy);
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 1005 /BKS-VMC

Cám Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Về hoạt động giám sát đối với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 1148/QC-BKS ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát báo cáo kết quả giám sát về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, giám sát hoạt động quản lý đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và nhiệm kỳ 2018 - 2023; Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ tới.

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2022 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;
- Giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong từng kỳ họp đối với hoạt động sản xuất và quản lý tại Công ty; Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty với các công ty TKV;
- Giám sát việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá đúng mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng để có giải pháp điều hành sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty;
- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;

- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty; Phát hiện những bất hợp lý trong việc hạch toán kế toán để điều chỉnh kịp thời về số liệu.

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất; việc quản lý công nợ và tình hình trích lập dự phòng;

- Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán hàng và mua hàng, tình hình cho vay mượn hàng hóa khi chưa hoàn tất các thủ tục bán hàng đối với một số đơn vị để có ý kiến trong công tác quản lý và đôn đốc tiến độ giao hàng;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản và vốn tại Chi nhánh Công ty theo các quý, việc hạch toán kế toán đối với các hoạt động kinh tế.

- Thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính các quý trong năm 2022 và báo cáo tài chính kết thúc năm 2021 để lập báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

- Tham gia vào việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các Quy chế có liên quan đến công tác quản lý điều hành tại Công ty;

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022.

Với tinh thần và thái độ nghiêm túc trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong năm 2022 Ban Kiểm soát đã cố gắng thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất, tiêu thụ; Giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đối với HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành và các cán bộ quản lý theo quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát theo kế hoạch kiểm soát đã được xây dựng từ đầu năm 2022; Thực hiện giám sát công tác hạch toán giá thành sản xuất các sản phẩm đối với nhân viên kinh tế các phân xưởng và công tác hạch toán kế toán đối với phòng kế toán, các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty; công tác điều hành sản phẩm dở tồn kho vượt quá chu kỳ sản xuất chưa được hoàn thiện để có ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết.

Trong quá trình giám sát, Ban Kiểm soát đã có ý kiến đối với công tác quản lý như điều hành tiến độ đối với sản xuất các sản phẩm, việc tiêu thụ các sản phẩm đã ký hợp đồng với khách hàng, việc quản lý đối với thành phẩm tồn kho và số lượng sản phẩm dở cần được hoàn thiện nhanh để đưa vào sản xuất hoặc lưu thông, công tác quản trị chi phí sản xuất theo quy chế khoán quản trị chi phí đã ban hành, việc thực hiện nhanh tiến độ các dự án đầu tư để đưa vào phục vụ sản xuất....Các ý kiến tham gia cũng như kiến nghị của Ban Kiểm soát được Ban Giám đốc ghi nhận và chỉ đạo các phòng ban tăng cường kiểm soát và nâng cao công tác quản lý theo ý kiến của Ban Kiểm soát.

Với các hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2022, Ban Kiểm soát khẳng định việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất đối với Công ty trong năm 2022 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động sản xuất

kinh doanh của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, góp phần vào thành quả chung của Công ty là sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

2. Kết quả giám sát thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết năm 2022

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/4/2022. Kết thúc năm tài chính 2022, Công ty đã thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	1.568.000	2.261.631,8	144
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	495.963	602.119	121
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	94.140	111.976	119
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	9,139	10,876	119
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.000	13.984	116,5
6. Lao động định mức	Người	860	858	100
7. Cổ tức	%	≥ 10	13	130
8. Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	31.998	27.563	86
9. Hệ số nợ/Vốn CSH	Lần	≤ 7,75	9,5	122

2. Kết quả giám sát hoạt động quản lý đối với HĐQT

Trong năm 2022 HĐQT Công ty có sự thay đổi về nhân sự như sau:

1. Ông Nguyễn Anh Chung: TV HĐQT thôi làm TV HĐQT Công ty theo Quyết định số 1816/QĐ-TKV ngày 28/11/2022;

2. Ông Trần Tuấn Anh: Người quản lý phân vốn thuộc Ban quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam được bổ nhiệm làm TV HĐQT Công ty thay Ông Nguyễn Anh Chung từ ngày 02/12/2022.

Công ty đã công bố thông tin thay đổi nhân sự gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại Công văn số 3781/TB-VMC ngày 02/12/2022.

- Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số 3780/QĐ-VMC ngày 02/12/2022 V/v Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 (thay thế cho quyết định đã được ban hành trước đây).

- Trong năm 2022 HĐQT thực hiện chức năng quản lý, điều hành Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- HĐQT ban hành 10 Nghị quyết, 07 Quy chế và 06 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty trong năm và những năm tiếp theo, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022 đề ra;

- Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quyết định như: Quyết định số 3479/QĐ-VMC ngày 11/11/2022 V/v Ban hành Quy chế quản lý cán bộ (thay thế QĐ số 531 ngày 1/3/2022); Quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05/04/2022 V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính; Quyết định số 2616/QĐ-

VMC ngày 06/9/2022 của HĐQT V/v ban hành Quy chế quản lý công nợ; Quyết định số 3466/QĐ-VMC ngày 10/11/2022 V/v ban hành hệ thống thang lương, bảng lương trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN...

4. Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT trong năm 2022

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2022 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc đồng thuận, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trong việc điều hành sản xuất và các mặt quản lý tại Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra như Doanh thu, giá trị sản xuất, tổng quỹ tiền lương, lợi nhuận đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo kế hoạch. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức đều đạt và vượt so với kế hoạch, vốn đầu tư của các chủ sở hữu được bảo toàn. Tốc độ tăng trưởng trên mỗi cổ phiếu hằng năm tăng bình quân 10,4% (tính từ năm 2017 đến 2022).

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2022 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá rất cao những nỗ lực, sự năng động của từng thành viên HĐQT trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nhiệm vụ được phân công trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty ổn định và bền vững. Tập thể các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty đúng pháp luật đem lại hiệu quả cho Công ty.

5. Kết quả giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã ban hành Quyết định số 3576/QĐ-VMC ngày 22/11/2022 để thay thế cho các quy định trước đây về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT từng kỳ họp để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn các Công ty TKV với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành Quyết định số 01 ngày 03/01/2022 V/v Ban hành các giải pháp chỉ đạo và điều hành thực hiện KHSXKD và kế hoạch quản lý phòng ngừa rủi ro năm 2022; Quyết định số 02 ngày 03/01/2022 V/v Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2022 của các đơn vị trong Công ty và nhiều quyết định điều hành khác có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất của Công ty;

- Tiếp tục điều hành có hiệu quả giải pháp nâng cao dây chuyền cán thép để đạt sản lượng trên 97 ngàn tấn năm 2022, các giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ

vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty để chủ động điều hành theo nhu cầu của khách hàng; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi phí bằng tiền khác;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động khai thác tốt công việc từ trong và ngoài ngành than, chủ động làm việc với các đơn vị trong TKV để thực hiện tốt hợp đồng phối hợp kinh doanh về sửa chữa thiết bị, về chế tạo phụ tùng cơ khí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty luôn được ổn định;

- Tuy nhiên Ban Kiểm soát cũng đánh giá việc tìm kiếm và khai thác việc làm tại các đơn vị ngoài TKV trong năm 2022 vẫn còn hạn chế, nguyên nhân chủ yếu là do dịch bệnh Covid -19 vẫn còn tác động đến sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nửa đầu năm 2022 đối với Công ty và các bạn hàng, tình hình giá cả vật tư đầu vào có xu hướng tăng cao như giá nhiên liệu, vật tư chế tạo...các đơn hàng lớn của đối tác truyền thống giảm sâu do yếu tố chi phí đầu vào và khả năng kiểm soát dịch bệnh. Tất cả những nguyên nhân đó đã ảnh hưởng đến việc làm và tạo ra doanh thu đối với thị trường ngoài TKV.

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu theo KH PHKD như sau:

5.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ chủ yếu năm 2022

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
A	B	C	1	2	3
A	SẢN XUẤT				
I	Chế tạo thiết bị		1.300	597	46
	- Thiết bị ngành than	Tấn	500	359	
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	3.909	
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	3	
	Giá chuyển hướng Toa xe 30-35 T	Toa		30	
	Xe gòong 3 tấn	Xe	50	-	
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn	300	200	
	- Thiết bị khác	Tấn	500	38	
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		1.300	1.791	138
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	400	790	
	- Phụ tùng khác	Tấn	500	604	
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	400	397	
	- Vi chống lò các loại	Tấn	34.000	40.041	
	- Thép cán vi lò	Tấn	81.000	97.363	

24

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
A	B	C	1	2	3
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		54	81	150
	- Các loại máy gạt	Cái	6	7	
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	8	7	
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	10	12	
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	7	5	
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	3	3	
	- Thiết bị khác	Cái	20	47	
B	TIÊU THỤ				
I	Chế tạo thiết bị		1.300	585	45
	- Thiết bị ngành than	Tấn	500	347	
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	3.699	
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	3	
	Toa xe 30-35 T	Toa		30	
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn	300	200	
	- Thiết bị khác	Tấn	500	38	
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		1.300	1.330	102
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	400	322	
	- Phụ tùng khác	Tấn	500	604	
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	400	404	
	- Vì chống lò các loại	Tấn	34.000	40.041	
	- Thép cán vì lò	Tấn	47.000	56.426	
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		54	81	150
	- Các loại máy gạt	Cái	6	7	
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	8	7	
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	10	12	
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	7	5	
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	3	3	
	- Thiết bị khác	Cái	20	47	
IV	Doanh thu	Tr.đồng	1.568.000	2.260.356	144
1	Doanh thu trong TKV	"	1.520.300	2.146.151	
2	Doanh thu ngoài TKV	"	40.000	40.334	
V	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.000	13.984	116,5
VI	Giá bán				
	- Giá bán bình quân thép cán	Đ/tấn	16.110.000	19.551.809	121,3
	- Giá bán bình quân vì lò	Đ/tấn	17.490.000	21.279.000	121,6
VI	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương				
I					
7.1	Lao động định mức	người	858	858	100
7.2	Tiền lương bq theo lao động định mức	1000đ/ng-tháng	9.139	10.876	119
7.3	Chỉ tiêu hướng dẫn đơn giá tiền lương				

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH
A	B	C	1	2	3
	- Sản xuất cơ khí (không bao gồm quỹ lương viên chức)	d/1000 đ DT	186	186	100

5.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ
1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	Tr đ	20.362	33.700,2	165,5
2. Vay ngắn hạn ngân hàng	Tr đ	170.000	170.670	100,3
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	đ	2.043	2.258	110,5
4. Vòng quay VLĐ	vòng	8,7	4,4	51

Đánh giá: Ban Giám đốc trong năm 2022 đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra như: về lợi nhuận, về các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, về thu nhập bình quân tiền lương tháng cho người lao động, đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông trên 10%, bảo toàn được vốn kinh doanh.

6. Kiểm soát các mặt hoạt động khác

6.1. Kiểm soát về quản lý và sử dụng vật tư:

Công ty đang thực hiện công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư theo quyết định số 4089/QĐ-VMC ngày 31/12/2019 V/v Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

Công ty đã thành lập các tổ thẩm định, tư vấn trong công tác lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa trong lĩnh vực sửa chữa thiết bị, thuê ngoài vận chuyển, thuê gia công sản phẩm, mua sắm vật tư hàng hóa ...theo yêu cầu quản lý của Công ty, phù hợp với quy chế về quản lý và sử dụng vật tư của TKV quy định.

Hàng tuần Công ty tổ chức họp hội đồng giá và tiến hành mở thư chào giá đối với các lô hàng mua sắm theo nhu cầu sử dụng của sản xuất đảm bảo việc sản xuất không bị đình trệ, ách tắc do thiếu vật tư.

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện hợp đồng mua vật tư, hàng hóa với giá trị là 1.963,71 tỷ đồng, trong đó mua trong ngành là 1.722,21 tỷ đồng, chiếm 87,7% tổng giá trị hợp đồng mua; Mua ngoài ngành là 241,49 tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng giá trị hợp đồng mua vật tư hàng hóa trong năm 2022.

- Giá trị mua hàng trong TKV có ký hợp đồng: 1.722,2 tỷ đồng trong đó mua: (Phôi thép: 1.619,18 tỷ đồng; Dầu Mazut: 66,44 tỷ đồng; Dầu tái sinh: 14,47 tỷ đồng; Mỡ máy, dầu nhớt, than cục, vật tư phụ tùng: 22,09 tỷ đồng).

- Giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng: 239,47 tỷ đồng, chiếm 99,16% tổng giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng (Gồm mua sắt thép chế tạo, phụ tùng sửa chữa các thiết bị máy mô, hàng hóa vật tư khác...).

- Hình thức thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa chủ yếu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, báo giá cạnh tranh, chào giá rút gọn. Công ty đã thực hiện đúng quy định theo Quy chế quản lý công tác mua sắm vật tư đã ban hành.

Giá trị tồn kho vật tư đến thời điểm 31/12/2022 chiếm 4,6% tổng giá trị vật tư xuất kho sử dụng trong năm, dưới mức yêu cầu quản lý của TKV.

6.2. Về công tác sửa chữa lớn:

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 có giá trị là 17.200 triệu đồng. Đến 31/12/2022 Công ty đã thực hiện 16/18 hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch. Giá trị sửa chữa lớn thực hiện 13.384,9 triệu đồng, bằng 78% so với KH. Trong đó còn hạng mục sửa chữa dây chuyền thép cán vì lò và trạm biến áp 6/0,4KV No 10 thực hiện dở dang chuyển sang tháng 1/2023.

Công ty lập kế hoạch sửa chữa dây chuyền cán theo Quyết định số 3403/QĐ-VMC ngày 4/11/2022 về việc sửa chữa, bảo dưỡng dây chuyền cán thép vì lò năm 2022. Theo kế hoạch công việc sửa chữa dây chuyền cán được bắt đầu trong tháng 12 và kết thúc sau 15 ngày sửa chữa. Tuy nhiên để đảm bảo có đủ nguồn thép vì lò dự trữ trong tháng 1/2023 phục vụ sản xuất cán vì lò nên việc sửa chữa được chuyển sang đầu tháng 1/2023. Do vậy việc quyết toán sửa chữa và bảo dưỡng dây chuyền cán thép lò đối với phần thuê ngoài không thể thực hiện được trong năm 2022.

6.3. Về trích lập dự phòng nợ khó đòi, hàng tồn kho:

- Việc trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi, hàng tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển Công ty thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 đảm bảo đúng chế độ và tỷ lệ trích lập dự phòng.

- Giá trị trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi trong năm 2022 đã trích là: 214.397.378 đồng, trong đó trích lập dự phòng phải thu của Công ty Nhiệt điện Sơn động (do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trên số nợ phải thu có gốc ngoại tệ);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ứ đọng, kém phẩm chất khó tiêu thụ đã trích lập 741.680.670 đồng.

6.4. Về thực hiện đầu tư năm 2022:

- Các công trình ĐTXD năm 2022 theo Thông báo điều chỉnh kế hoạch số 4575/TKV-ĐT ngày 06/10/2022 của TKV, theo đó KH đầu tư năm 2022 bao gồm:

Tổng số: 31.998 triệu đồng, trong đó:

- Trả nợ khối lượng năm trước: 6.211 triệu đồng;
- Kế hoạch năm 2022: 25.787 triệu đồng

Kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2022

TT	Tên công trình	TB số 4575/TKV- ĐT ngày 06/10/2022	Thực hiện đến 31/12/2022	Tỷ lệ %TH/ KH
	TỔNG (A+B)	31.998	27.563	86
A	Trả nợ khối lượng năm trước	6.211	6.211	100
I	Dự án ĐTDT và PTSX năm 2021-2022	6.211	6.211	
1	Máy cắt CNC	3.174	3.174	
2	Máy tiện CNC	3.037	3.037	
B	Kế hoạch 2022	25.787	21.353	83
I	Dự án chuyển tiếp	4.542	4.530	
	Dự án nhóm C	4.542	4.530	
1	Dự án ĐTDT và PTSX năm 2021-2022	155	155	

Handwritten signature

TT	Tên công trình	TB số 4575/TKV- ĐT ngày 06/10/2022	Thực hiện đến 31/12/2022	Tỷ lệ %TH/ KH
	- Chi phí tư vấn, lập dự án HSMT, đánh giá HSMT	83	83	
	- Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán	72	72	
2	Đầu tư phương tiện VT, nâng tải năm 2021-2022	4.387	4.375	99,7
	- Xe gắn cầu 12 tấn	4.195	4.195	
	- Chi phí tư vấn, lập dự án HSMT, đánh giá HSMT	45	45	
	- Kiểm toán, lệ phí trước bạ, thẩm tra, phê duyệt QT	147	135	
II	Dự án khởi công mới	21.215	16.283	77
1	Dự án nâng cao năng lực dây chuyền cột chống thủy lực	11.586	11.586	100
	Chi phí tư vấn, lập dự án HSMT, đánh giá HSMT	84	84	
	Máy tiện CNC (đường kính chi tiết trên bản dao dọc $\geq 400\text{mm}$, khoảng cách chống tâm $\geq 1.500\text{mm}$)	4.752	4.752	
	Máy tiện CNC (đường kính chi tiết trên bản dao dọc $\geq 250\text{mm}$, khoảng cách chống tâm $\geq 1.400\text{mm}$)	4.428	4.428	
	Máy gia công lỗ CNC (khả năng gia công F40-F200) mm, chiều dài gia công $\geq 2.000\text{mm}$	2.322	2.322	
2	Dự án đầu tư duy trì, phát triển sản xuất năm 2022-2023	9.629	5.237	54
	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSMT	63	62	
	Lệ phí trước bạ xe ô tô bán tải	97	69	
	Máy khoan đứng (đường kính khoan thép Max, F>50mm)	432	64	
	Máy khoan cần (khả năng khoan thép Max. >65mm)	1.458	233	
	Máy khoan cần (khả năng khoan thép Max. >55mm)	1.242	193	
	Máy nén khí 132KW	934	152	
	Máy hàn MIG, MAG (công suất >27 KVA, dòng hàn (50 – 500) A;	594	529	
	Máy phay đứng vạn năng (bản máy > (2.400x550) mm, khoảng cách từ đầu trục chính đến mặt bàn >750 mm;	2.376	1.890	
	Xe ô tô bán tải (Gồm cả lệ phí trước bạ 97 triệu)	1.353	965	
	Máy phân tích vật liệu cầm tay (phân tích nguyên tố C)	1.080	1.080	
3	Dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	30		

Nhận xét chung về công tác đầu tư năm 2022:

- Công ty triển khai thực hiện về đầu tư theo đúng kế hoạch đã được HĐQT Công ty quyết định. Việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt đối với từng dự án đã được cân nhắc và quyết định trên cơ sở bổ sung năng lực thiết bị cho sản xuất. Việc

chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án, dự phòng lên kế hoạch chính thức thi công đều được báo cáo TKV cụ thể và làm theo đúng quy định.

- Các gói thầu của các dự án đầu tư đều áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, hình thức hợp đồng trọn gói. Đối với các gói thầu kiểm toán của dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn.

- Công ty đã thực hiện đảm bảo đúng quy định về quản lý và thực hiện đầu tư. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2022 đạt 27.563 tr đồng/KH 31.998 tr đồng bằng 86% KH năm.

7. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng bán hàng năm 2022

- Tổng giá trị hợp đồng ký đến thời điểm 31/12/2022 là 2.347,81 tỷ đồng; Trong đó giá trị hợp đồng đã ký trong năm 2022 là 2.304,54 tỷ đồng; đã thực hiện trong năm 2022 là 2.288,58 tỷ đồng, giá trị còn lại chuyển sang thực hiện năm 2023 là 59,23 tỷ đồng (Trong đó các đơn vị trong TKV: 32,34 tỷ đồng; các đơn vị ngoài TKV: 26,88 tỷ đồng).

- Do thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV được thuận lợi nên doanh thu bán hàng cho các đơn vị ngành than chiếm 97,2% tổng số doanh thu bán hàng trong năm 2022 của Công ty. Việc thu tiền hàng trong năm đối với Công ty cũng thuận lợi do Tập đoàn đồng ý thanh toán bù trừ công nợ giữa các đơn vị trong nội bộ ngành Than với nhau. Trong đó thanh toán qua bù trừ 1.728,2 tỷ đồng, còn lại chuyển về tài khoản 616,4 tỷ đồng.

8. Kiểm soát về quỹ tiền lương, tiền thưởng, quỹ khuyến khích lương

8.1. Quản lý quỹ tiền lương và phân phối thu nhập:

Quỹ lương thực hiện theo đơn giá được quyết toán 111,976 tỷ đồng(trong đó quỹ lương của Viên chức quản lý là: 2,495 tỷ đồng. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 10,876 trđ/ng/tháng, tăng 19% so với kế hoạch. Tiền lương đã được Công ty trả đầy đủ, chính xác vào sổ lương của cá nhân người lao động theo từng tháng trong năm.

8.2. Quản lý quỹ lương khuyến khích:

Công ty đã thực hiện việc trả lương khuyến khích cho cá nhân người lao động theo đúng nội dung Quyết định số 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019 của TKV và Quyết định số 3477/QĐ-VMC ngày 11/12/2022 V/v Ban hành quy chế quản lý lao động, tiền lương của VMC. Mục đích dùng để chi khuyến khích tiền lương cho cá nhân người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, ngày công lao động cao, có thành tích xuất sắc trong công tác, giữ gìn tốt an toàn, vệ sinh lao động. Khuyến khích tiền lương cho các kỹ sư giỏi, công nhân có bàn tay vàng, các chuyên gia có trình độ cao để tạo động lực trong sản xuất. Trong năm để động viên các cá nhân người lao động có năng suất, chất lượng, có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, an toàn lao động, Công ty đã trích số tiền 2.012,86 triệu đồng từ nguồn quỹ lương khuyến khích để động viên khen thưởng kịp thời.

8.3. Quản lý quỹ khen thưởng

Quỹ khen thưởng trong năm đã chi cho các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất trong năm và chi cho các hoạt động khác là 3.369,63 triệu đồng. Đến 31/12/2022 quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành dư 928,3 triệu đồng. *me*

Việc sử dụng quỹ khen thưởng để chi cho các hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo Quyết định số 1775/QĐ-VMC ngày 4/7/2019 V/v Ban hành quy chế thi đua khen thưởng trong Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

9. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính khác

TT	CHỈ TIÊU	Năm trước 2021	Năm nay 2022
A	B	1	2
1	Hệ số về khả năng thanh toán		
1.1	Hệ số thanh toán hiện thời	0,81	0,88
1.2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,58	0,66
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn		
2.1	Hệ số nợ/Vốn CSH	7,62	9,50
2.2	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	10,27	12,83
3	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản		
3.1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	68	77
3.2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	32	23
4	Hệ số về khả năng sinh lời		
4.1	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	1,85%	1,59%
4.2	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	16,01%	16,72%

PHẦN THỨ HAI
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023

1. Tình hình nhân sự và thực hiện nhiệm vụ

1.1. Về nhân sự của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 26 tháng 4 năm 2018 đã bầu ra Ban Kiểm soát gồm có các thành viên sau:

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| 1. Ông Hoàng Mạnh Hùng | Trưởng Ban kiểm soát; |
| 2. Bà Chu Thị Việt Trung | Thành viên Ban kiểm soát; |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Thành viên Ban kiểm soát. |

Trong nhiệm kỳ 2018-2023 không có sự thay đổi về nhân sự đối với Ban kiểm soát.

1.2. Về thực hiện nhiệm vụ được phân công

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty để độc lập kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, các hoạt động của bộ máy điều hành. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban phù hợp với năng lực, sở trường công việc của từng thành viên, lập kế hoạch kiểm tra, giám sát với nội dung cụ thể, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của từng phiên họp của Hội đồng quản trị để thực hiện giám sát.

2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2018-2023

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có ý kiến tham gia góp ý đối với hoạt động sản xuất, tiêu thụ; hoạt động đầu tư, sửa chữa lớn; công tác quản lý và sử dụng vật tư; công tác hạch toán kế toán – thống kê; công tác quản trị chi phí và hạch toán giá thành sản phẩm tại các đơn vị phân xưởng theo quy chế khoán quản trị chi phí của Công ty;

- Tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty như; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý nợ,... Quy chế Tài chính, Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.....

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và lập báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo giám sát về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu theo quý, năm để báo cáo Hội đồng quản trị và báo cáo chủ sở hữu TKV.

- Ban Kiểm soát đã làm việc với Công ty kiểm toán về những nội dung công việc có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty để có kết quả các báo cáo đã được kiểm toán trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo số liệu trung thực, tin cậy và hạch toán đúng chế độ.

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

- Thực hiện các kỳ kiểm tra, giám sát định kỳ theo quý đúng với kế hoạch kiểm tra, giám sát do Ban Kiểm soát xây dựng. Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra những phát hiện trong quản lý vốn và tài sản của Công ty trong nhiệm kỳ vừa qua như:

+ Thông qua việc ban hành Quyết định số 697/QĐ-VMC ngày 27/3/2019 của Giám đốc Công ty V/v Duyệt chi kinh phí hoạt động cho Hội cựu chiến binh Công ty từ nguồn gõ thu hồi nhập kho với số tiền là 63.072.000 đồng. Sau khi xem xét nội dung quyết định đã ban hành, Ban Kiểm soát trao đổi với các Ủy viên Ban kiểm soát về sự phù hợp của Quyết định với các hướng dẫn của các Thông tư 71/2015/TT-BTC ngày 11/5/2015; Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015; Nghị định 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Ban Kiểm soát nhận thấy khoản chi hỗ trợ cho Hội cựu chiến binh Công ty không đúng với nội dung chi theo Điều 4 Thông tư 71/2015/TT-BTC ngày 11/5/2015 hướng dẫn. Vì đây không phải là khoản thực chi mà là khoản cấp kinh phí hoạt động cho Hội cựu chiến binh Công ty. Do vậy số tiền 63.072.000 đồng hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo Điều 2 của Quyết định 697 là không có cơ sở, không đúng với hướng dẫn theo TT 71 và TT 96.

Từ các nội dung trên, Ban Kiểm soát kiến nghị Giám đốc Công ty thu hồi lại Quyết định 697/QĐ-VMC ngày 27/3/2019 về việc duyệt chi kinh phí hoạt động cho Hội cựu chiến binh Công ty.

+ Thông qua hoạt động kiểm soát theo kế hoạch kiểm soát năm 2021 về kiểm soát theo chuyên đề doanh thu bán hàng trong năm, Ban Kiểm soát phát hiện việc tính toán sai trọng lượng thép bán theo từng chủng loại giữa biên bản bàn giao với số lượng viết trên hóa đơn có sự chênh lệch. Ban Kiểm soát đã tính lại trọng lượng thực tế giao cho khách hàng và đề nghị Công ty viết bổ sung hóa đơn thu lại số tiền doanh thu bán thép là 2.036.104 đ.

+ Thông qua việc kiểm tra báo cáo tổng hợp mua sắm vật tư theo hợp đồng mua sắm vật tư phục vụ sản xuất 9 tháng đầu năm 2021 với các đơn vị trong và ngoài TKV. Ban Kiểm soát đã phát hiện việc mua hàng hóa có giá cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua và kiến nghị Giám đốc Công ty thu hồi lại số tiền chênh lệch mua máy điều hòa phục vụ sản xuất với giá trị là 120.714.000 đ trên tổng số tiền mua là 403.822.100 đ.

+ Thực hiện kế hoạch kiểm soát số 216/BKS -VMC ngày 21/1/2022. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm soát hoạt động sản xuất cột thép tại các phân xưởng Cơ khí 1, Cơ khí 2, Máy Mỏ 2 và PX Đúc; kiểm tra việc tính giá thành thực tế của các sản phẩm nhập kho và việc kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ. Qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã phát hiện việc kết chuyển giá vốn tiêu thụ đối với các cột thép sản xuất từ nguồn thép phế liệu của các phân xưởng không đúng với giá thành nhập kho, từ đó dẫn đến giá vốn kết chuyển cao hơn giá thành thực tế nhập kho cho số hàng đã tiêu thụ. Ban Kiểm soát đã kiến nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan điều chỉnh lại giá nhập kho đối với các sản phẩm cột chống làm từ thép phế liệu từ quý II năm 2022. Qua đó giá vốn kết chuyển cho số sản phẩm đã tiêu thụ thấp hơn giá vốn đã hạch toán là 3.764,45 tr đồng.

**Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
nhiệm kỳ 2018-2023 qua các chỉ tiêu**

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	614.872,33	496.225,21	547.448,38	547.345,30	667.023,13
	<i>Tăng trưởng so năm trước (%)</i>	-6,53	-23,9	10,3	-0,01	21,8
2	Vốn CSH	58.900,92	58.010,72	61.392,40	63.361,18	63.451,15

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Tăng trưởng so năm trước (%)	3,2	-1,51	5,82	3,2	0,14
3	Doanh thu	1.484.811,9	1.500.800,2	1.492.249,2	2.069.283,9	2.260.356,5
	Tăng trưởng (%)	32,23	1,07	-0,57	38,6	9,2
4	Lợi nhuận sau thuế	7.902,47	7.012,26	9.699,47	10.146,48	10.608,82
	Tăng trưởng (%)	15,15	-12,7	38,3	4,6	4,6
5	Cổ tức	10	10	10	13	≥ 10
6	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng DT	0,53	0,47	0,65	0,49	0,47
7	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	1,28	1,41	1,77	1,85	1,59
8	Tỷ suất LN sau thuế/VCSH	13,41	12,08	15,8	16,01	16,72
9	Nợ phải trả/VCSH (lần)	9,4	7,5	7,9	7,6	9,5
10	Lãi cơ bản đ /1 cổ phiếu	1.682	1.493	2.065	2.160	2.258

3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban Giám đốc điều hành.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả;

- Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp đầy đủ tài liệu mỗi khi HĐQT tổ chức họp để giúp Ban kiểm soát có thêm thông tin trong việc điều hành hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý của HĐQT tại Công ty;

- Phối hợp tốt với HĐQT đánh giá hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý trên các mặt để lập báo cáo Chủ sở hữu về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu theo từng quý;

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công trong Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã phối hợp với từng đồng chí trong ban Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công để trao đổi công việc có liên quan đến sản xuất, tiêu thụ; trong quản lý đầu tư mua sắm tài sản; trong công tác tìm kiếm thị trường và quản trị chi phí; trong việc quản lý vốn và tài sản nói chung tại Công ty để có các ý kiến, kiến nghị với từng cấp quản lý với phương châm thận trọng, chính xác, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những ý kiến đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tiếp thu và có chỉ đạo cụ thể nhằm đáp ứng theo yêu cầu quản lý quy định. Trong nhiệm kỳ 2013-2018, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty. *gk*

4. Tồn tại, hạn chế

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban Kiểm soát đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần và trách nhiệm cao nhất vì sự phát triển của Công ty và vì quyền lợi của các cổ đông. Tuy nhiên việc kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực trong hoạt động quản lý cũng còn hạn chế như; quản lý và sử dụng các TSCĐ được đầu tư trong năm phục vụ sản xuất, tình hình quản trị chi phí của các phân xưởng theo quy chế khoán quản trị của Công ty; việc quản lý chi phí tiếp khách gắn với từng nội dung công việc cụ thể; việc sử dụng nhiên liệu trong hoạt động đưa đón cán bộ đi công tác, sử dụng nhiên liệu phục vụ sản xuất và chế độ công tác phí đối với cán bộ đi công tác...

5. Biện pháp khắc phục

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2023 và các năm tiếp theo. Duy trì tổ chức họp định kỳ hàng quý để rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp hoạt động kiểm soát có hiệu quả.

- Tập trung kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm, kiểm tra theo chuyên đề. Tăng cường kiểm tra giám sát trước và trong quá trình tổ chức thực hiện tại các đơn vị được kiểm tra. Tập trung kiểm tra, giám sát đối với một số lĩnh vực có tính chất nhạy cảm trong hoạt động sản xuất.

- Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của kiểm soát ở mức cao nhất, nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc tiếp nhận thông tin, tăng cường giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý. Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của quý vị cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng trong Công ty để giúp Ban kiểm soát nhiệm kỳ tới hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của Ban.

II. Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhiệm kỳ tới

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông thực hiện giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý thẩm tra tính trung thực số liệu của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tham mưu với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực Đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chương trình kế hoạch kiểm soát đã lập nhằm ngăn chặn hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý.

- Thực hiện kiểm soát định kỳ hàng quý, đột xuất theo kế hoạch chương trình đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2022; Báo cáo về hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc năm 2022; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý và đặc biệt là các cổ đông đã luôn tin tưởng để Ban Kiểm soát hoàn thành

nhiệm vụ được giao. Kính chúc các Quý vị luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống, luôn luôn quan tâm và đóng góp cho sự phát triển của Công ty./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông dự đại hội;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1007 /BKS-VMC

Cầm Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Tên Công ty được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long.

2. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là công ty kiểm toán độc lập có uy tín và năng lực để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty đại chúng có cổ phiếu đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

Công ty được Bộ Tài chính phê duyệt là một trong số 35 Doanh nghiệp Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 theo Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022.

Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo quy định.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Hoàng Mạnh Hùng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1006 /TTr-VMC

Cám Phả, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận
sau thuế TNDN năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05/4/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN ban hành "Quy chế tài chính trong Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN";

Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt phương án chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 như sau:

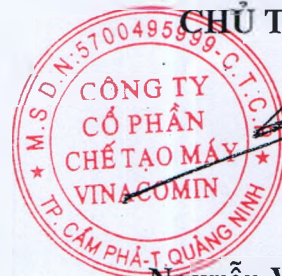
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	10.608.821.267 đồng
2. Trả cổ tức 13%/năm/Vốn điều lệ:	6.106.556.300 đồng
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	4.502.264.967 đồng
3.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 30%:	1.350.679.490 đồng
3.2. Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty bằng 01 tháng lương thực hiện của người quản lý năm 2022:	207.916.000 đồng
3.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 0,32 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2022:	2.943.669.477 đồng
trong đó: - Quỹ khen thưởng (70%):	2.060.568.634 đồng
- Quỹ phúc lợi (30%):	883.100.843 đồng.

Kính Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

Số: 1008/TTTr-VMC

Cầm Phá, ngày 31 tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 28/4/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phân phối thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao 2023 như sau:

1. Thực hiện năm 2022

1.1. Tiền lương của người quản lý Công ty.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	KH năm 2022 (đồng/năm)	TH năm 2022 (đồng/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	385.000.000	462.000.000
2	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	342.000.000	410.400.000
3	Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc	342.000.000	410.400.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	342.000.000	410.400.000
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	312.000.000	374.400.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	356.000.000	427.200.000
	Tổng			2.494.800.000

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2022 (đồng/năm)	TH năm 2022 (đồng/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)
1	Trưởng BKS	01	356.000.000	427.200.000
	Tổng		356.000.000	427.200.000

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2022 (đồng/người/năm)	TH năm 2022 (đồng/người/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61.680.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT			
	- GD kiêm TV HĐQT	01	59.280.000	59.280.000
	- TV HĐQT	03	157.680.000	157.680.000
3	Thành viên BKS	02	105.120.000	105.120.000
	Cộng	07		383.760.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2023

2.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số lượng (người)	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)
1	Giám đốc	01	37.050.000	444.600.000
2	TV HĐQT chuyên trách	01	32.850.000	394.200.000
3	Phó Giám đốc	03	32.850.000	1.182.600.000
4	Kế toán trưởng	01	30.000.000	360.000.000
5	Trưởng BKS	01	34.350.000	412.200.000
	Tổng	07		2.793.600.000

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)
1	Trưởng BKS	01	34.350.000	412.200.000
	Tổng			412.200.000

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao tháng (đồng/người/tháng)	Tiền thù lao năm (đồng/người/năm)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	01	20%	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT					
	- GĐ kiêm TV HĐQT	24.700.000	01	20%	4.940.000	59.280.000
	- TV HĐQT	21.900.000	02	20%	4.380.000	105.120.000
3	Thành viên BKS	21.900.000	02	20%	4.380.000	105.120.000
	Cộng		06			331.200.000

3. Phương thức chi trả:

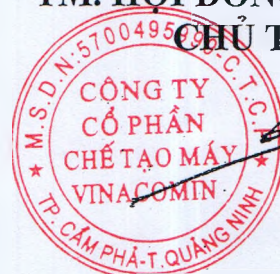
Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua. /.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- BKS; HĐQT, (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

Số: 1336 /TTr-VMC

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua đề cử nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-TKV ngày 18/4/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc cử Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ kết quả đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhiệm kỳ 2023-2028 của các nhóm cổ đông dự Đại hội;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua việc đề cử đại diện của các Cổ đông tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

I. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028

1) Ông Nguyễn Văn Tú, sinh ngày 22/4/1964 - CT HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023;
Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 031064004605; Cấp ngày: 23/01/2018.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Tổ 14 - Khu 3- Phường Hồng Gai - Hạ Long - Quảng Ninh.

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

2) Ông Phạm Minh Tuấn, sinh ngày 04/12/1964 - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023, Giám đốc Công ty

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 022064003492; Cấp ngày: 19/4/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: BT16B6-06, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ học vấn: Kỹ sư Kỹ thuật


3) Ông Bùi Xuân Hạnh, sinh ngày 01/6/1964 - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 013585303; Cấp ngày: 25/6/2011.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số 20B2, tổ 16, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh tế kỹ thuật.

4) Ông Lê Viết Sự, sinh ngày 30/3/1967 - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023. 

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 001067017077; Cấp ngày: 14/4/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Khu Hai Giếng 1- Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

Trình độ học vấn: Kỹ sư công nghệ hàn.

5) Bà Phạm Thu Hương, sinh ngày 06/6/1970 – Kế toán trưởng Công ty.

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 022170002424; Cấp ngày: 28/9/2018.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1 - Khu Tân Lập 5 - Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

II. Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028

1) Ông Hoàng Mạnh Hùng, sinh ngày 29/6/1965 - Trưởng BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 030065009155; Cấp ngày: 14/8/2022.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 11A, Tổ 5, khu Sơn Thạch, phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

2) Bà Chu Thị Việt Trung, sinh ngày 22/01/1974 - Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 022174007465; Cấp ngày: 11/8/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - Khu Đập Nước I - Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh mỏ.

3) Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/11/1971 - Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: 022171000811; Cấp ngày: 25/4/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu phố Đập Nước 1, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh tế mỏ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- TVHĐQT, TVBKS;
- Lưu VP, T.Ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1337 /TTr-VMC

Cẩm Phá, ngày 25 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS
nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;
- Căn cứ Tờ trình số 1336/TTr-VMC ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc thông qua đề cử nhân sự bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) Nhiệm kỳ 2023-2028 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết thông qua.

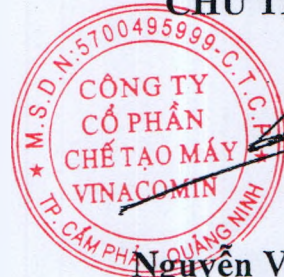
Để tiến hành bầu cử 05 thành viên Hội đồng quản trị, 03 thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2023-2028 (Có dự thảo Quy chế kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGĐ, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023-2028

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 1337 /TTr-VMC, ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN tiến hành bầu cử 05 thành viên HĐQT, 03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 theo các quy định sau:

Điều 1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT; điều kiện ứng cử, đề cử và số lượng thành viên HĐQT được bầu

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập

1.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.
- d) Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ (Tập đoàn TKV).

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập

Ngoài tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 155 Luật doanh nghiệp năm 2020, cụ thể như sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ (Tập đoàn TKV); không phải làm người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b) Không phải người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty.
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. *gk*

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất 05 năm liền kể trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

e) Công ty ưu tiên xem xét lựa chọn các ứng cử viên nguyên là cán bộ đã từng công tác trong Tập đoàn TKV hoặc công tác tại Công ty có năng lực và đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Điều kiện giới thiệu đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên. Cổ đông TKV được quyền đề cử đa số (trên 50%) số ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản b, Điều 195, Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng thành viên HĐQT: Số lượng thành viên HĐQT được bầu của nhiệm kỳ 2023 - 2028 là 05 thành viên.

Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS; điều kiện ứng cử, đề cử và số lượng thành viên BKS được bầu

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên BKS

Thành viên BKS phải đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. *gk*

- Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền kế trước đó.

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Điều kiện giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng cử viên. Cổ đông TKV được quyền đề cử đa số (trên 50%) số ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản b, Điều 195, Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Số lượng thành viên BKS: Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu của nhiệm kỳ 2023 - 2028 là 03 thành viên.

Điều 3. Quyền bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết Danh sách cổ đông chốt ngày 28/3/2023.

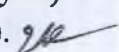
Điều 4. Phương thức bầu cử

- Việc bầu Thành viên HĐQT và thành viên BKS được thực hiện phương thức bỏ phiếu kín và bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông được phát một Tờ phiếu bầu HĐQT và một tờ phiếu bầu BKS với tổng số phiếu (quyền) bầu HĐQT, bầu BKS bằng số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

- Trên mỗi Tờ phiếu bầu, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được lựa chọn 5 (năm) hoặc ít hơn trong số các ứng viên tham gia HĐQT, lựa chọn 3 (ba) hoặc ít hơn trong số các ứng viên tham gia BKS.

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bầu HĐQT, BKS bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên tham gia HĐQT, BKS sao cho tổng số phiếu (quyền) bầu HĐQT, BKS trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS được bầu.

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu (quyền) bầu cho một ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng). 

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu thành viên HĐQT được in trên giấy màu xanh, phiếu bầu thành viên BKS được in trên giấy màu hồng. Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số cổ đông.

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được phát số phiếu bầu HĐQT, BKS theo Mã số cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền).

- Trường hợp ghi sai phiếu bầu, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải tự mình ghi vào phiếu bầu.

Điều 6. Kiểm tra thùng phiếu và bỏ phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông tham dự Đại hội;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

Điều 7. Kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu do Ban Kiểm phiếu thực hiện và tiến hành ngay sau khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu và thùng phiếu.

Điều 8. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định, không được đóng dấu treo của Công ty.

- Phiếu bầu bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu bầu có tổng số quyền (phiếu) biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền (phiếu) biểu quyết của cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 9. Quy định về trúng cử, biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

- Số lượng ứng cử viên trúng cử bầu vào HĐQT là 05 (năm) ứng cử viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất, tính từ cao xuống thấp. Số lượng ứng cử viên trúng cử bầu vào BKS là 03 (ba) ứng cử viên BKS có số phiếu bầu cao nhất, tính từ cao xuống thấp.

- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng bầu vào Hội đồng quản trị, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn 1 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất.

- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT, thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ

phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ, số phiếu và tỷ lệ phiếu không hợp lệ, số phiếu và tỷ lệ phiếu trống; số phiếu và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên được bầu vào HĐQT, Ban kiểm soát.

Điều 10. Khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Quy chế này gồm có 10 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.